

NHỮNG KẾT HỢP BẤT THƯỜNG TRONG NGÔN NGỮ THƠ NGUYỄN PHÚC LỘC THÀNH

ĐOÀN TIỀN LỰC*

Abstract: Literary language is a language system derived from the natural language. The task of re-creating to “derivate” the literary language belongs to the artists. Because of that, the literary language is imbued with the creative personality of poets and writers. Approaching a specific case of Nguyen Phuc Loc Thanh's poetry through a poem collection “Dream of the Thuong River” (*Giấc mơ sông Thương*), the article aims to clarify the stylistic imprints of his poetic language through unusual combinations in terms of grammar and semantics. The unusual combinations in Nguyen Phuc Loc Thanh's poetic language show both the poet's creative imprints in the *Surrealist* style and the rich expressive potential of the Vietnamese language.

Key words: *literary language, poetry, unusual combinations, grammar, semantics.*

1. Đặt vấn đề

1.1. Ngôn ngữ văn chương là ngôn ngữ trong các tác phẩm văn chương. Khẳng định như vậy để nhấn mạnh rằng ngôn ngữ là thứ phương tiện quan trọng trước hết đối với hoạt động sáng tạo ra các tác phẩm nghệ thuật ngôn từ và khi các nhà văn dùng ngôn ngữ để sáng tạo ra tác phẩm nghệ thuật của họ cũng là khi các nhà văn tạo ra ngôn ngữ văn chương. Các nhà văn, nhà thơ dựa trên ngôn ngữ tự nhiên (có vai trò như những chất liệu cơ sở ban đầu thiết yếu) để tái - sáng tạo (IU. M. Lotman miêu tả quá trình này bằng cụm từ “xây dựng chồng lên cấp độ tự nhiên của ngôn ngữ” [9, tr. 27]), nhằm đáp ứng yêu cầu biểu đạt nghệ thuật của loại hình nghệ thuật ngôn từ, đồng thời thỏa mãn nhu cầu khẳng định dấu ấn phong cách ngôn ngữ cá nhân. Bởi vậy, xét về mặt bản chất, ngôn ngữ văn chương là hệ thống ngôn ngữ thứ hai, phái sinh từ hệ thống ngôn ngữ thứ nhất, ngôn ngữ tự nhiên. Điều này cũng có nghĩa, tồn tại một mối liên hệ chặt chẽ giữa ngôn ngữ tự nhiên với ngôn ngữ trong tác phẩm nghệ thuật ngôn từ. Nếu từ góc độ (người) sáng tạo, ngôn ngữ tự nhiên là cơ sở cho sự sáng tạo ngôn từ/chất liệu biểu đạt thì từ góc độ (người) tiếp nhận, ngôn ngữ tự nhiên là cơ sở cho sự đánh giá, phê bình khả năng sử dụng phương tiện biểu đạt và theo đó là dấu ấn sáng tạo của nghệ sĩ.

1.2. Kết hợp bất thường (có người dùng “kết hợp lạ”) trong ngôn ngữ thơ được hiểu là cách thức tổ chức ngôn từ không theo đúng quy tắc kết hợp về ngữ pháp và ngữ nghĩa thường thấy, tạo ra những đơn vị ngôn ngữ phi logic về ngữ pháp và ngữ nghĩa (theo tư duy duy lý) trên trục ngữ đoạn của dòng/câu thơ. Hiện tượng ngữ pháp - ngữ nghĩa này của ngôn ngữ thơ bước đầu được miêu tả, đánh giá trong một số nghiên cứu. Trần Ngọc Hiếu trong *Tìm hiểu một quan niệm nghệ thuật về ngôn từ trong thơ Việt đương đại* [6] đã khảo sát quan niệm nghệ thuật của nhóm nhà thơ Trần Dần, Lê Đạt, Dương Tường, Hoàng Hưng thể hiện qua những hiện tượng ngôn ngữ như làm biến dạng chính tả, tình lược những dấu hiệu liên kết logic hình thức giữa các đơn vị từ trong câu thơ, li gián những từ ngữ vốn

* Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.

có quan hệ gần gũi với nhau, tổ chức, sắp đặt kề cận những yếu tố từ ngữ vốn ít, thậm chí không có liên hệ gì với nhau để làm rõ “con biến động mạnh mẽ” trong ngôn ngữ thơ Việt đương đại. Triệu Thị Huệ với *Thử “giải mã” một số kết hợp từ lạ trong thơ Trương Nam Hương* [8] đã phát hiện ra Trương Nam Hương có sở trường trong việc dùng phép láy phụ âm đầu, đặc biệt là dùng hai yếu tố chữ nghĩa cùng “nhòe mờ” để tạo nên một kết hợp từ mới mẻ. Hoàng Kim Ngọc với *Kết hợp “lạ hóa” trong thơ ca và “Từ điển kết hợp lạ” trong thơ ca Việt* [12] đã khái quát một số thủ pháp lạ hóa trong ngôn ngữ thơ ca như đảo trật tự từ trong cấu trúc thông thường, chuyển từ loại, mở rộng phổ kết hợp của từ và ẩn dụ ý niệm... Kết quả của những nghiên cứu này là cơ sở cho nghiên cứu tiếp theo của tôi trong bài viết này về ngôn ngữ thơ Nguyễn Phúc Lộc Thành.

1.3. Nguyễn Phúc Lộc Thành (NPLT) là nghệ sĩ được đào tạo chuyên nghiệp về nghề viết sáng tạo (anh từng tốt nghiệp ngành Viết văn của Trường Viết văn Nguyễn Du danh tiếng). NPLT cũng từng có một thời gian sống ở châu Âu, tiếp xúc với nền văn hóa, nghệ thuật châu Âu. Với những thông tin tiểu sử như vậy, chúng ta có cơ sở để trông đợi ở NPLT một ý thức - cá tính nghệ thuật hiện đại, nhiều cách tân. Vốn được biết đến với một số sáng tác ở thể loại văn xuôi như *Cõi nhân gian* (tiểu thuyết, 1994), *Táo vàng tục lụy* (tập truyện ngắn, 1996)... nhưng năm 2018, NPLT trở lại đời sống văn học một cách nhiều bất ngờ khi cho ra mắt liền 3 tập thơ *Giấc mơ sông Thương*, *Chiều* và *Chân Quê* được xuất bản bởi Nxb Hội Nhà văn. Cùng năm, NPLT xuất bản hợp tuyển thơ NPLT gồm 118 bài với tên chung là *Giấc mơ sông Thương* như củng cố cho sự khẳng định chắc chắn về hiện diện của mình trong đời sống thơ ca đương đại. Hiện tượng thơ NPLT lập tức thu hút được sự quan tâm chú ý của nhiều nhà nghiên cứu, lí luận phê bình như Nguyễn Hữu Sơn, Nguyễn Quang Thiều, Nguyễn Việt Chiến, Ngô Văn Giá, Hoàng Kim Ngọc,... Các bài viết đã tập trung vào làm rõ một số vấn đề trong thơ NPLT như đặc điểm thế giới nghệ thuật, những cách tân đối với thể thơ lục bát và nỗ lực định hình thể loại lục bát dụng chữ, sáng tạo ngôn ngữ (mở rộng phổ kết hợp cho danh từ, động từ, tách ghép từ, sáng tạo về nhịp thơ và thanh điệu...).

1.4. Tiếp cận hợp tuyển thơ *Giấc mơ sông Thương* của NPLT từ phương diện ngôn ngữ nghệ thuật, chúng tôi thực hiện khảo sát toàn diện tập thơ, sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng, phương pháp miêu tả và phương pháp so sánh - đối chiếu để khảo sát, thống kê, miêu tả, so sánh, diễn giải rõ “độ chênh” và những bất thường giữa ngôn ngữ nghệ thuật - ngôn ngữ thơ NPLT so với ngôn ngữ tự nhiên (tiếng Việt) ở phương diện ngữ pháp và ngữ nghĩa; từ đó làm rõ những sáng tạo ở phương diện ngôn ngữ thơ của NPLT và nhận diện cá tính thơ ông trong đời sống thơ ca đương đại.

2. Biểu hiện của những kết hợp bất thường trong ngôn ngữ thơ NPLT

Một đơn vị ngôn ngữ lớn hơn từ, là tổ hợp của các từ, cần đảm bảo đúng cả về ngữ pháp và ngữ nghĩa để người tiếp nhận có thể giải mã và hiểu được thông tin được biểu đạt qua biểu thức ngôn ngữ đó một cách rõ ràng. Nhưng đó là yêu cầu, là chính tắc đối với giao tiếp thông thường bằng ngôn ngữ tự nhiên. Còn với ngôn ngữ nghệ thuật, không phải lúc nào người nghệ sĩ cũng muốn biểu đạt trực tiếp, rõ ràng thông điệp của mình. Đây chính là nguồn cớ cho những tái sáng tạo ngôn ngữ trong các tác phẩm nghệ thuật ngôn từ. Biểu hiện rõ nhất những sáng tạo của ngôn ngữ thơ NPLT thể hiện ở cả phương diện ngữ pháp và ngữ nghĩa theo những cách “rất NPLT”.

2.1. Những kết hợp bất thường xét ở phương diện ngữ pháp

Mỗi từ trong hệ thống từ vựng đều có ý nghĩa ngữ pháp khái quát (là ý nghĩa chung cho các từ thuộc cùng một từ loại) và đặc điểm hình thức ngữ pháp (khả năng kết hợp của từ khi cấu tạo cụm từ và khả năng đảm nhiệm các thành phần trong câu). Dựa vào những cơ sở này, chúng ta có thể nhận ra những kết hợp bất thường trên trục ngữ đoạn của ngôn ngữ thơ NPLT như sau:

2.1.1. Những kết hợp bất thường trên trục ngữ đoạn do biến chuyển chức năng từ loại

Trong ngôn ngữ thơ NPLT, có khi chúng ta thấy ông sử dụng danh từ vào vị trí của động từ, sử dụng tính từ vào vị trí của danh từ:

Ví dụ (1):

Mi ngày

chưa vượt đã tàn

Ráng chiều rớm máu

đã ban mai rồi

(Chiều thứ 13)

Ví dụ (2):

Còn đâu

đâu bể giờ chiều

Trùng tơ

đã thả đầu hiu xuống trần

(Chân quê 36)

Ở tiếng Việt, phó từ *đã* cho chúng ta biết sau nó thường sẽ là một động từ. Bởi vậy, danh từ *ban mai* trong ngữ liệu ở ví dụ (1) vốn là danh từ trong trường hợp này đã được sử dụng như chức năng của một động từ. Và với ngữ liệu ở ví dụ (2), sau động từ *thả* là một bổ ngữ và bổ ngữ này phải là một danh từ mới đảm bảo logic về ngữ pháp (và ngữ nghĩa) cho cả ngữ đoạn nhưng nhà thơ đã cố ý sử dụng tính từ *đầu hiu* như một danh từ.

Và có khi NPLT sử dụng tính từ với chức năng như động từ, chẳng hạn như:

Ví dụ (3):

Chiều lên

phơn phớt vệt môi

Em đi

Tôi tím nửa đời tiền đưa

(Chiều thứ 9)

Ví dụ (4):

Bờ đê

phơn phớt nụ cà

Môi cười mím cả nuốt nà tháng tư

(Giấc mơ sông Thương 12)

Ở ví dụ (3), tính từ *tím* biểu thị một trạng thái - màu sắc được sử dụng như một động từ, một hành động (chuyển động/chuyển hóa) với bổ ngữ là *nửa đời* (đối tượng chịu sự tác động). Ở ví dụ (4), tính từ biểu thị trạng thái màu sắc *phơn phớt* được đặt sau từ danh từ - chủ ngữ *bờ đê*. Theo đó, *phơn phớt* đã trở thành hoạt động (động từ) của chủ thể *bờ đê* chứ không còn đứng chức năng từ loại của một tính từ.

Thêm nữa, trong tiếng Việt, phó từ chỉ hướng có những chức năng như chỉ hướng cho động từ có tính động (bò *ra*, dặt *vào*, đi *lên*, chạy *xuống*...), tạo tính động cho động từ không có tính động (*đứng lên*, ngồi *xuống*, cầm *lên*...), làm thay đổi giá trị ngữ pháp của động từ tâm lí, sinh lí - tạo tính động rõ rệt (*quên đi*, nhớ *lại*, tỉnh *ra*...), làm thay đổi giá trị ngữ pháp của tính từ - tạo tính động cho tính từ (*trắng ra*, gầy *đi*, đen *lại*...)... (Dẫn theo [1, tr.546-547]). So chiếu hiện tượng ngữ pháp này vào ngôn ngữ thơ NPLT, chúng ta không khó nhận ra nhà thơ đã có những kết hợp bất thường các tính từ, động từ với các phó từ chỉ hướng, chẳng hạn:

Ví dụ (5):

Tươi nguyên lên

những cũ sồn

Em đi

xám cả trời mơn mớn chiều

(*Giấc mơ sông Thương 23*)

Ví dụ (6):

Buom lên đi,

mảnh tình đầu

Tình nào

tình chẳng vá khâu ít nhiều

(*Chân quê 15*)

Như trình bày ở trên, tính từ kết hợp với các phó từ chỉ hướng không phải là hiện tượng ngữ pháp bất thường nhưng phải đảm bảo yêu cầu phù hợp (bởi không phải bất kì một tính từ nào cũng có thể kết hợp với bất kì một phó từ chỉ hướng; không có một công thức chung, một kết cấu giống nhau cho tính từ kết hợp với phó từ chỉ hướng vì còn phải đảm bảo yêu cầu về nghĩa). Và những trường hợp được dẫn ở trên trong thơ NPLT đều là những kết hợp bất thường. Với ngữ liệu ở ví dụ (5) và (6), các tính từ *tươi nguyên*, *buom* không kết hợp được với phó từ chỉ hướng *lên* bởi chúng không phải là những động từ hoạt động rời vị trí/có hướng. Những kết hợp bất thường này làm thay đổi giá trị ngữ pháp, tạo tính (chuyên) động cho tính từ, động từ đồng thời tạo ấn tượng mới lạ, độc đáo cho tứ thơ, ngôn ngữ thơ.

Như vậy, với NPLT, tính từ, danh từ cũng có thể là động từ; các trạng thái, tính chất vốn tĩnh tại cũng có thể trở nên chuyển động. Cách dùng các từ không đúng ý nghĩa ngữ pháp, kết trệ trên trục ngữ đoạn của NPLT vừa mang dấu ấn sáng tạo riêng của ông (chưa gặp, chưa thấy ở thơ của ai) vừa mở rộng biên độ dịch chuyển chức năng từ loại tiếng Việt, gợi mở cho những cách dùng từ ngữ theo một cách mới để tăng khả năng biểu đạt của ngôn từ. Và sự sáng tạo này là biểu hiện ra bên ngoài (hình thức ngôn từ) của một tư duy phi duy lí, khám phá vào tận sâu bản chất bên trong thế giới mà con người vốn chưa thể toàn tri.

2.1.2. Những kết hợp bất thường trên trục ngữ đoạn do đảo vị trí từ ngữ

Khảo sát ngôn ngữ thơ NPLT, cũng không khó để nhận ra hiện tượng kết hợp bất thường do nhà thơ đã đảo vị trí của các từ ngữ trên trục ngữ đoạn. Việc đảo vị trí này được thực hiện ở cả bậc từ, bậc cụm từ và xuất hiện 56 lần trên tổng số 118 bài thơ được khảo sát.

Ở bậc từ, nhà thơ đã đảo vị trí của các tiếng trong từ phức, chẳng hạn:

Ví dụ (7):

Em đi

giáp hạt đồng chiều

Mầm tôi thui chột

*quá nhiều **thì xuân***

(*Giấc mơ sông Thương 11*)

Ví dụ (8):

Một đò

Một mẻ lưới thưa

Em về

Ngày ấy

thời thừa

một tôi...

(*Giấc mơ sông Thương 22*)

Dựa vào chính một trong những đặc điểm của từ phức tiếng Việt là có sự linh hoạt về vị trí của các tiếng, NPLT đã đảo vị trí các âm tiết trong một số từ để một mặt đảm bảo về vần điệu, mặt khác tạo sự mới mẻ, cách tân một cách táo bạo. Khẳng định vậy bởi NPLT đảo vị trí các thành tố trong một từ phức ở các từ mà chưa ai đảo, tạo ra những đơn vị mới và có vẻ “phi logic” (khó được chấp nhận với

những nhìn nhận bằng tư duy duy lý) như ở các ví dụ trên là *xuân thì đảo thành thì xuân, thừa thãi đảo thành thãi thừa* (và một số trường hợp khác như *khờ khạo đảo thành khạo khờ, vắn vủ đảo thành vủ vắn...*).

Ở bậc cụm từ, một hiện tượng khá phổ biến là nhà thơ thường đảo từ láy (có chức năng làm bổ ngữ cho động từ) lên trước hay đảo định ngữ ở phía trước của danh từ xuống sau, chẳng hạn:

Ví dụ (9):

Cha đi

xộc xệch đường bừa

Mẹ làm lụi

giữa hai mùa ngô khoai

(*Giấc mơ sông Thương* 9)

Ví dụ (10):

Chân nhang

khóc vật khóc vờ

Đá bia một mảnh

trơ trơ giữa trời

(*Chân quê* 11)

Nếu là *đường bừa xộc xệch*, *một mình bia đá* thì đó là những ngữ đoạn bình thường về ngữ pháp còn như những cách mà NPLT tổ chức ngôn từ trong các ví dụ trên thì rõ ràng là bất thường. Những sự hoán đổi vị trí là những “can thiệp” nhỏ nhưng có giá trị “điểm huyệt”, đủ tạo ra những dấu ấn bất thường trên tuyến tính của câu/dòng thơ.

Ngữ pháp không chỉ là các đơn vị và các quy tắc kết hợp các đơn vị đó lại với nhau mà ngữ pháp thực chất còn là sự phản ánh tư duy qua việc tổ chức các ý niệm trong sự đa tầng, đa không gian (tinh thần). Bởi vậy, những kết hợp khác lạ, bất thường trong ngôn ngữ thơ NPLT là sự thể hiện ra bên ngoài những ý thức/tư duy vượt ra ngoài khung khổ, những nỗ lực có chủ ý trong việc kiến tạo, tổ chức thể giới nghệ thuật của riêng mình, đem đến cho người đọc những trải nghiệm, rung cảm đặc biệt.

2.2. Những kết hợp bất thường xét ở phương diện ngữ nghĩa

Câu *Những tư tưởng xanh lục không màu ngủ một cách giận dữ* thường được viện dẫn cho những trình bày về yêu cầu của câu/ phát ngôn trong giao tiếp. Câu/ phát ngôn không chỉ cần phải đảm bảo đúng về kết cấu ngữ pháp mà còn cần phải đúng (logic) về nghĩa. Tuy nhiên, trong các văn bản nghệ thuật, ngôn ngữ đã được tái sáng tạo để thực hiện chức năng của một hình thức giao tiếp đặc biệt - giao tiếp nghệ thuật nên những quy tắc ngữ nghĩa thông thường có thể sẽ bị phá vỡ ở những mức độ khác nhau để đạt được hiệu quả giao tiếp cao nhất. Các đơn vị ngôn ngữ đều có tính đa nghĩa. Và khi các đơn vị ngôn ngữ này được sử dụng trong văn bản nghệ thuật với những “bất thường” trong kết hợp thì đặc tính đa nghĩa, biến đổi về nghĩa càng được đẩy lên ở mức cao nhất.

2.2.1. Chuyển từ ngữ thuộc trường nghĩa này sang dùng cho trường nghĩa khác

Lí thuyết trường nghĩa chỉ ra rằng quan hệ về ngữ nghĩa giữa các từ sẽ hiện ra khi đặt các từ/ ý nghĩa của từ vào những hệ thống ngữ nghĩa trong lòng từ vựng. Các hệ thống ngữ nghĩa đó được gọi là trường nghĩa (một tập hợp từ đồng nhất với nhau về ngữ nghĩa). Thực tế sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp nói chung và giao tiếp nghệ thuật nói riêng tồn tại hiện tượng chuyển trường (nghĩa là từ ngữ vốn là ở trường nghĩa này nhưng lại được chuyển sang sử dụng cho trường nghĩa khác). Và hiện tượng này được NPLT sử dụng rất nhiều, đặc biệt là chuyển từ ngữ thuộc trường nghĩa NGƯỜI sang dùng cho VẬT (87 lần dùng/118 bài thơ được khảo sát), chẳng hạn:

Ví dụ (11):

Em tôi

bỏ áo tứ thân

*Bờ đê **thẹn** gió*

*sông **tần ngần** mưa*

(*Giấc mơ sông Thương 7*)

Ví dụ (12):

*Đêm **đi***

không trống

không kèn

*Trăng **nằm***

ôm gốc

cỏ quen bên đôi

(*Chiều thứ 10*)

Các sự vật bờ đê, sông, đêm, trăng ở trong 2 ví dụ trên đã được miêu tả bằng các động từ biểu thị hoạt động của con người như *thẹn*, *tần ngần*, *đi*, *nằm*, *ôm*. Và để chứng minh cho sự phong phú một cách đặc biệt cách thể hiện này trong ngôn ngữ thơ NPLT, có thể dẫn thêm ra một loạt các động, tính từ nhà thơ đã dùng để miêu tả, phản ánh thế giới của sự vật, hiện tượng: *Dòng Thương **ngủ** dưới xiêu xiêu khói chàm* (*Giấc mơ sông Thương 1*), *Thấy xuân **mặc** áo chùng thâm* (*Giấc mơ sông Thương 3*), *Dưới sông bùn đã **trẫm** mình*, *Mầm đêm **ngau ngáu nghiêng** mình dưới sen* (*Giấc mơ sông Thương 8*),... Thế giới sự vật trong thơ NPLT không phải vô tri, vô giác mà là một thế giới hiện sinh sống động với tất cả những hoạt động, trạng thái. Ở đó, các sự vật đi lại, thức ngủ, thêu thùa, khóc đứng khóc ngồi, bọt bọt, thoi thóp, điêu ngoa, tần ngần, run rẩy, quẩn quẩn, khát thèm,... Nếu xét theo nghĩa trực tiếp của các đơn vị trên ngữ đoạn (câu/dòng thơ), hiển nhiên những ngữ liệu dẫn trên phản ánh không đúng logic, chúng là những kết hợp bất thường về ngữ nghĩa. Hiện tượng chuyển trường này trong nhiều tác phẩm trữ tình được xác định là ẩn dụ - nhân hóa, một thủ pháp so sánh ngầm dựa trên cơ chế liên tưởng tương đồng. Nghĩa là, đối tượng được đề cập không được nhắc đến trực tiếp mà ẩn trong hình ảnh ẩn dụ - nhân hóa, như thuyền/ người con trai và bến/ người con gái trong bài ca dao: *Thuyền về có nhớ bến chăng/ Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền*. Nhưng, thâm nhập sâu vào thế giới nghệ thuật thơ NPLT, chúng ta sẽ thấy, ẩn dụ - nhân hóa để so sánh ngầm, để đề cập một đối tượng nào đó một cách gián tiếp không phải là chủ đích của nhà thơ. Thế giới hiện sinh trong thơ NPLT được nhìn nhận như một sự ánh xạ (và cả phản chiếu) từ thế giới con người sang thế giới của sự vật hiện tượng. Sự ánh xạ đó làm mờ nhòa đi ranh giới của hai thế giới, đem đến một cảm nhận về một thế giới hiện sinh duy nhất: một thế giới của những sinh thể với đầy đủ những hoạt động, trạng thái vật chất và tinh thần, chuyển động và lặng im, tồn tại và mất mát.

2.2.2. Dùng các từ ngữ với ý niệm được trộn/ hội nhập vào nhau

Hội nhập ý niệm (conceptual integration) hay trộn ý niệm (conceptual blending) là lí thuyết mô tả về khả năng đặc biệt của con người trong việc kiến tạo những điều không thật (tạo hình con vật với thân sư tử đầu người, ma quỷ...) hoặc sáng tạo ra những cái mới dựa trên cơ sở là sự hội nhập các ý niệm đã được nhận thức (máy ảnh, con chuột máy tính, hàm số phức...). Với tư duy ngôn ngữ, hội nhập ý niệm là quá trình trộn hai ý niệm (hoặc nhiều hơn) với nhau để tạo ra các ẩn dụ hoặc ý niệm hóa mới. Quá trình này diễn ra trong tư duy của người dùng ngôn ngữ (một cách vô thức hoặc có ý thức) và thể hiện ra bằng các hình thức ngôn từ. Cơ sở của sự hội nhập ý niệm là sự tương hợp giữa những không gian tâm trí đầu vào (các ý niệm được hội nhập) và những đặc trưng chọn lọc từ những nguồn đầu vào này để có một không gian tâm trí “hội nhập”, cái sẽ phát triển linh hoạt thành cấu trúc

nổi bật và hình thành ý niệm hóa mới. Trong ngôn ngữ của hợp tuyển thơ *Giấc mơ sông Thương*, NPLT thể hiện rõ nét chủ ý sáng tạo khi sử dụng nhiều lần sự hội nhập các ý niệm và dưới đây là một số ví dụ:

Ví dụ (13): <i>Hoàng hôn nhấp đã cạn ngày Mắt người xăm xấp heo may lưng tròn (Giấc mơ sông Thương 5)</i>	Hội nhập các ý niệm <i>hoàng hôn - rượu</i> (qua những đặc trưng tương đồng nổi bật là <i>nhấp, cạn</i>), <i>heo may - nước mắt</i> (qua những đặc trưng tương đồng nổi bật là <i>xăm xấp, lưng tròn</i>).
Ví dụ (14): <i>Ngày mẹ vàng rụng xuống con Đội rom Lạy mẹ Sông mòn chia hai (Giấc mơ sông Thương 7)</i>	Hội nhập ý niệm <i>lá</i> với ý niệm <i>mẹ</i> (qua những đặc trưng tương đồng nổi bật là <i>vàng, rụng, mất, đội rom, lạy</i>).
Ví dụ (15): <i>Đồng đêm mười sáu dùng dằng Em thì con gái cứ vàng vặc thơm (Giấc mơ sông thương 14)</i>	Hội nhập ý niệm <i>cánh đồng lúa đương thì con gái</i> với ý niệm <i>em</i> và ý niệm <i>trắng</i> (qua những đặc trưng tương đồng nổi bật là <i>thơm, vàng vặc</i>).

Hẳn người đọc sẽ thấy lạ lẫm, bất ngờ với những ý niệm được trộn với nhau trong thơ NPLT. Nếu tiếp nhận với tư duy duy lý, người ta khó có thể tìm ra mối liên hệ gần nào giữa tình yêu với vải hay cháo, hoàng hôn với áo quần... Và sự hội nhập các ý niệm của nhà thơ có khi là 2 ý niệm, có khi là 3, 4 ý niệm trong một tứ thơ càng làm cho các ý niệm gốc mờ nhòe. Có thể thấy, NPLT đã vượt qua được giới hạn của tư duy duy lý để đến với thế giới mà ở đó nhà thơ được tự do thể hiện tư duy của mình, không cần phải tuân theo logic hay thẩm mỹ chính thống. Cũng bởi vậy, chúng ta thấy qua ngôn ngữ thơ NPLT, một thế giới nghệ thuật tràn ngập những hình ảnh, những thực tại vốn rất xa nhau về liên tưởng và sự tồn tại trong hiện thực khách quan nhưng lại được hội nhập vào nhau và tạo ra “những va đập chói lòa từ ngữ” (theo cách diễn đạt của Jacques Vaché), đúng như Pierre Reverdy đã từng khẳng định “Những quan hệ của hai thực tại được đặt cạnh nhau càng xa nhau và càng thích đáng, thì hình ảnh sẽ càng mạnh mẽ - nó sẽ càng có sức mạnh xúc cảm và sức mạnh về thực tại thơ...” (Dẫn theo [4]). Với những hội nhập ý niệm như vậy trong thơ NPLT, người đọc sẽ rối bời như nhồi với hoa là vết thương đau hay mê đắm với men say nồng nàn li biệt của rượu hoàng hôn và heo may nước mắt, đồng hành cùng nhà thơ trên những cuộc viễn chinh trên biển cả của thế giới nội cảm.

2.2.3. Kết hợp một cách bất thường hai vế so sánh với “như”

Trong số 118 bài thơ của hợp tuyển *Giấc mơ sông Thương*, NPLT sử dụng 40 lần diễn đạt so sánh với *như*. Và như chúng ta biết, trong một câu có 2 vế được so sánh với nhau qua từ so sánh *như* thì

thường mối quan hệ nghĩa giữa 2 vế câu ấy là quan hệ ngang bằng hoặc tương đồng (sự vật, hiện tượng, trạng thái, tính chất ở hai vế so sánh có mối liên hệ tương đồng với nhau). Mục đích của những diễn đạt so sánh này thường nhằm đối chiếu để nhận thức về sự vật, hiện tượng, trạng thái, tính chất được đem ra so sánh. Nhưng có vẻ với NPLT, so sánh không chỉ hướng đến mục đích như vậy. **Ví dụ (16):**

Em về

như bóng trắng nằm

trong phồn thực của thình không cát cồn

(Giấc mơ sông Thương 22)

Nếu với mục đích so sánh để nhận thức rõ hơn về đối tượng thì sự vật hiện tượng được đưa ra để so sánh với đối tượng thường sẽ có tính cụ thể, dễ hình dung, cảm nhận, nhận biết, nhưng NPLT so sánh *Em về như bóng trắng nằm trong phồn thực của thình không cát cồn* thì sự so sánh không còn tuân theo logic duy lý bình thường đó nữa. Xét ở nghĩa câu chữ, chúng ta gần như không tìm thấy mối liên hệ nào về nghĩa giữa hai vế so sánh. *Bóng trắng nằm trong phồn thực của thình không cát cồn* là ý niệm siêu thực và theo đó mục đích so sánh của nhà thơ ở đây không phải hướng đến những nhận thức khách quan bằng tư duy lý tính mà hướng vào nhận thức trong chiều sâu của nội giới bằng tư duy phi lý tính. Lối diễn đạt này cũng vẫn theo đúng tinh thần “thiết kết” hình ảnh thơ của NPLT (cũng là nguyên tắc biểu đạt của thơ siêu thực): hình ảnh được sinh ra từ sự xích lại gần nhau của hai hiện thực ít nhiều xa nhau.

2.2.4. Kết hợp các đơn vị ngôn ngữ thành các tổ hợp ngôn từ mờ nghĩa, trừu tượng về nghĩa

Trong nhiều bài thơ, NPLT tạo ra các từ láy cách điệu, loại từ có cơ chế láy là hòa phối ngữ âm để tạo nghĩa biểu trưng, nghĩa “ẩn tượng”. “Nghĩa là các bộ phận trong cơ chế láy (thành tố và quan hệ) có xu thế không mang nghĩa riêng (vốn không có nghĩa hoặc nghĩa đã phai nhạt đi không chỉ phối được nghĩa cơ bản của toàn từ hoặc mất hẳn nghĩa)” [1, tr. 618]. Có thể dẫn ra một số ví dụ như *Nắng lay lắt rạc rầy* trời sông Thương (*Giấc mơ sông Thương 14*), *Dòng Thương ngẫu ngã* một đời đợi nhau... (*Giấc mơ sông Thương 25*), *Mà sông dầm dẫm* như vừa mất môi (*Chiều thứ 01*),... Rõ ràng các từ láy *rạc rầy*, *ngẫu ngã*, *dầm dẫm*,... tạo được những những ẩn tượng đặc biệt, người đọc có thể cảm được nghĩa của chúng nhưng thật khó để giải thích nghĩa một cách rõ ràng.

Đặc biệt, ngôn ngữ thơ NPLT có rất nhiều những kết hợp “siêu thực” về nghĩa, chẳng hạn:

Ví dụ (17):

Tôi cầm

tù tội trăm miền

Giam vào cũi

vạt yếm tiên đùi sôi

(Giấc mơ sông Thương 3)

Ví dụ (18):

Tuổi rơi

mong mỏng xuống mùa

Thu tàn

hay tiếng chuông chùa cầm canh?

(Chiều thứ 20)

Những ý niệm *tôi cầm tù tội*, *tuổi rơi xuống mùa thu tàn*,... thực sự phi logic về nghĩa câu chữ (mặc dù kết cấu ngữ pháp thì vẫn đúng). Rất nhiều bỏ ngữ trong các kết cấu ngữ pháp ở thơ NPLT có nghĩa không tương thích với động từ. Những kết hợp bất thường này biểu thị những bí ẩn trong địa tầng phi lý của tâm thức. Hiện thực khách quan/ ngoại giới giờ đây trở thành phương tiện chuyên chở

những gì đang hiện lên trong tâm trí nhà thơ và do đó mất đi vẻ ngoài tự nhiên, mất đi những sự thật của hình dung thị giác.

4. Kết luận

Mỗi ngôn ngữ đều phải có những quy tắc ngữ pháp và ngữ nghĩa thống nhất để đảm bảo chức năng là phương tiện giao tiếp chung của mọi người trong một cộng đồng ngôn ngữ. Tuy nhiên, bên cạnh những quy tắc chung, đảm bảo tính ổn định tương đối cần có của một ngôn ngữ, những cách sử dụng bất thường vẫn xuất hiện, đặc biệt ở ngôn ngữ văn chương - địa hạt của sự sáng tạo. Những kết hợp bất thường này không tác động tiêu cực đến tính chuẩn mực của việc sử dụng ngôn ngữ mà hướng tới góp phần làm tăng khả năng biểu đạt của ngôn ngữ một cách nghệ thuật.

NPLT sáng tác theo tinh thần của thể thơ truyền thống của dân tộc - lục bát. Đọc thơ NPLT chúng ta vẫn cảm nhận được những vương vấn đặc biệt của “hương vị” lục bát truyền thống nhưng cùng với đó là nhiều điều mới mẻ. Những điều mới mẻ này được tạo ra từ nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ thơ của NPLT theo tinh thần của chủ nghĩa siêu thực với những kết hợp bất thường đầy tính sáng tạo ở cả phương diện ngữ pháp và ngữ nghĩa được sử dụng ở tần suất cao trong ngôn ngữ thơ. Mang trong mình những phẩm chất đặc biệt của “một nhà thám hiểm nhân văn”, NPLT đã vượt ra khỏi những xiềng xích của định kiến, những tư duy lối mòn hay hiện thực sơ lược, thực tại nhàm chán; đưa những tìm tòi, cách tân đi xa hơn; xây dựng những đơn vị ngôn từ - hình ảnh thơ đầy tính bất ngờ, sai biệt và phi lí.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Diệp Quang Ban, *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, 2005.
2. Đỗ Hữu Châu, *Cơ sở ngữ nghĩa học từ vựng*, Nxb Giáo dục, 1998.
3. Collier, G., *Nghệ thuật và tâm thức sáng tạo* (Trịnh Lữ dịch), Nxb Dân trí, 2019.
4. Hồ Thủy Giang, *Thơ siêu thực không xa lạ*, 2020. Nguồn <https://vannghehainguyen.vn>
5. Ngô Văn Giá, *Lục bát NPLT: Trường hợp “Giấc mơ sông Thương”*, 2021. Nguồn: vannghequandoi.com.vn.
6. Trần Ngọc Hiếu, *Tìm hiểu một quan niệm nghệ thuật về ngôn từ trong thơ Việt đương đại*, in trong *Văn học Việt Nam sau 1975 - Những vấn đề nghiên cứu và giảng dạy*, Nxb Giáo dục, 2006.
7. Nguyễn Thái Hòa, *Dẫn luận Phong cách học*, Nxb Giáo dục, 1998.
8. Triệu Thị Huệ, *Thử “giải mã” một số kết hợp từ lạ trong thơ Trương Nam Hương*, 2009, nguồn <https://www.vanchuongviet.org>.
9. Đỗ Việt Hùng, Nguyễn Thị Ngân Hoa, *Phân tích phong cách ngôn ngữ trong tác phẩm văn học*, Nxb Đại học Sư phạm, 2003.
10. Nguyễn Lai, *Ngôn ngữ với sáng tạo và tiếp nhận văn học*, Nxb Giáo dục, 1996.
11. Lotman, Yuri M., *Cấu trúc văn bản nghệ thuật* (Trần Ngọc Vương, Trịnh Bá Đình, Nguyễn Thu Thủy dịch), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 1970/2004.
12. Hoàng Kim Ngọc, *Kết hợp “lạ hóa” trong thơ ca và “Từ điển kết hợp lạ” trong thơ ca Việt*, Từ điển học và Bách khoa thư, số 3, 2013.
13. Hoàng Kim Ngọc, *Ngôn ngữ trong “Giấc mơ sông Thương” của Nguyễn Phúc Lộc Thành*, Từ điển học và Bách khoa thư, số 5, 2018.
14. Bùi Minh Toán (Chủ biên), Nguyễn Thị Lương, *Giáo trình Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Đại học Sư phạm, 2008.